

Bản án số: 335/2018/HC-PT

Ngày 13 - 8 - 2018

V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2018/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2018 về “ Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4720/2018/QĐPT-HC ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trần A, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn B, Phó chủ tịch UBND huyện Z. Vắng mặt, có đơn ngày 08/6/2018 đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn C, Chủ tịch; ủy quyền cho ông Vũ Văn C1 (Phó Chủ tịch- Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2018). Có mặt ông C1;

3.2. Ông Vũ C1, sinh năm 1952; Có mặt.

3.3. Bà Tạ Thị C3, sinh năm 1954; ủy quyền cho ông Vũ C1 (văn bản ủy quyền ngày 29/5/2018); Vắng mặt.

Ông C1, bà C3 cùng trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C1, bà C3: Ông Phạm Văn C4, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.4. Bà C4, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đội 7, thôn P, xã T, huyện Z, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu C5, sinh năm 1969, trú tại Thôn V, xã K, huyện Z, tỉnh Hải Dương (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2018). Có mặt.

3.5. Ông Nguyễn Đức C6, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 23, khu K, thị trấn K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.6. Ông Vũ Văn C1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 64 phố N, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3.7. Ông Bùi Trọng C7, sinh năm 1960; ủy quyền cho bà Trương C8 (vợ); Địa chỉ: Xóm 10, thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương. Có mặt bà C8.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện là ông Trần A trình bày:

Năm 2002, UBND xã Y thanh lý đấu thầu hồ ao tại khu vực X với ông Vũ C1 và “bán” đất để giãn dân tại khu vực này. Tháng 01/2003, ông và 4 người khác (là bà C4, ông Nguyễn Đức C6, ông Vũ Văn C1 và ông Bùi Trọng C7) đã nộp tiền để mua đất đấu thầu khu vực bãi đầm hồ này, trong đó ông đã nộp 23.040.000 đồng để được “mua” 100m² đất, có phiếu thu tiền do kế toán xã lập, có chữ ký của Chủ tịch xã và đóng dấu UBND xã Y. Ngày 03/3/2003, UBND xã Y lập biên bản giao đất cho 5 người, trong đó ông được giao 150m² (gồm 100m² đất ở và 50m² hành lang an toàn giao thông). Trong biên bản giao đất có chữ ký của Chủ tịch xã Y là ông Bùi X và của địa chính xã là ông H. Sau đó, 5 người do ông là đại diện đã thuê ông C1 phun cát san lấp mặt bằng với số tiền 55.000.000 đồng, sau đó đã thuê thợ xây tường bao xung quanh để phân định ranh giới các thửa đất. Đến ngày 18/8/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z yêu cầu 5 người nộp lại tài liệu bản chính giấy tờ mua đất để phục vụ cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GNCQSDĐ), nhưng chưa ai được cấp thì đến tháng 02/2016, ông C1 đổ đất vào phần đất mà của 5 người, trong đó có đất của ông. Ông có đơn yêu cầu UBND xã xem xét. Ngày 21/3/2016, UBND xã Y có văn bản trả lời với nội dung là đất của ông đã được UBND huyện Z cấp GNCQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ cấp số CH 00215 ngày 10/02/2015 cho ông C1 và bà C3 (tổng diện tích cấp là 898m²).

Do đó, ông A yêu cầu Tòa án Tòa án hủy GNCQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ cấp số CH 00215 ngày 10/02/2015 của UBND huyện Z và hủy một phần

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 về việc cấp GCNQSDĐ cho ông C1, bà C3.

- Đại diện hợp pháp UBND huyện Z trình bày:

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông C1 và bà C3 đủ điều kiện theo quy định. Hồ sơ do UBND xã Y lập và trình UBND huyện đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền.

Về căn cứ cấp GCN cho ông C1, bà C3: Theo Hợp đồng ngày 03/12/2002 giữa UBND xã Y và ông C1 thì gia đình ông C1, bà C3 có thỏa thuận đổi 449m² đất ở, tài sản trên đất gồm nhà, công trình, cây cối của gia đình cho UBND xã Y để xã xây dựng trường mầm non xã. Đổi trừ, gia đình ông C1 được UBND xã cấp đất vào vị trí mới. Theo Biên bản giao đất ngày 28/12/2002, xã đã giao cho ông C1 phần đất 937,5m² thuộc thửa /17 tờ bản đồ số 04 xã Y. Ngày 21/5/2013, Đảng ủy xã Y đã có Nghị quyết việc quy đổi 01 m² đất trong làng của ông C1 lấy 02m² đất cấp mới. Căn cứ đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông A, UBND xã Y đã lập hồ sơ và ngày 25/3/2013, Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSDĐ xã Y họp xét và đề nghị UBND huyện Z cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân xã giao, cấp, bán trái thẩm quyền trước đây. Riêng đối với hộ gia đình ông C1 và bà C3 nguồn gốc có khác (quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 99 Luật đất đai 2013) nên UBND huyện Z đã ra Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 về việc cấp GCNQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ cấp số CH 00215 ngày 10/02/2015. Trong đó, có một số trường hợp khác mặc dù xã Y đề nghị và có tờ trình kèm theo nhưng UBND huyện Z không chấp nhận cấp GCNQSDĐ là trường hợp của 5 hộ gia đình ông A, ông Nguyễn Đức C6, ông Vũ Văn C1, ông Bùi Trọng C7 và bà C4.

Lý do UBND huyện không chấp thuận cấp GCNQSD cho 5 người này vì theo kết luận ngày 30/10/2006 của Tổ công tác UBND huyện Z, việc UBND xã Y bán đất, thu tiền các ông bà nói trên là trái quy định pháp luật, không thực hiện đúng Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 27/11/2002 của UBND huyện Z. Tại kết luận nêu rõ, yêu cầu UBND xã Y khắc phục việc làm sai nói trên bằng việc trả lại tiền cho người mua và các cán bộ làm sai bị kiến nghị xử lý kỷ luật.

Do đó, UBND huyện có quan điểm đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Vũ C1: Năm 2000, gia đình ông có đôi nhà đất đang ở cho UBND xã Y lấy gần 900m² đất tại đầm bãi khu X (do ông đang đầu thầu). Gia đình ông cũng giao đất, nhà, công trình và UBND xã Y đã giao đất cho gia đình ông trong năm 2000. Đầu năm 2003, lãnh đạo xã Y gồm ông Bùi X là Chủ tịch UBND xã và ông H trưởng ban địa chính xã có đề nghị gia đình ông lùi lại 25m đất về hướng Đông để xã giao cho 05 hộ đã mua đất của xã (việc này không lập thành văn bản). Ông cũng đã nhận số tiền 55.000.000 đồng của 5 người này. Sau đó, xã Y không được UBND huyện Z chấp nhận phương án này nên việc thỏa thuận

giữa ông với xã không thực hiện được. Ông đã kê khai và được cấp GCNQSD đất (trong đó có 300m² đất ở và 598m² đất vườn). Ông xác định đất của gia đình ông được cấp GCN là đúng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A. Tại phiên tòa sơ thẩm ông đồng ý trả lại 55.000.000 đồng đã nhận của 5 hộ gia đình.

Ông C2, C1, ông C7 và bà C4 trình bày: Ông, bà cùng mua đất của xã Y với ông A, đã nộp tiền và được giao đất, trả tiền phun cát cho ông C1, đã xây tường bao- cũng giống như ông A đã trình bày. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, hủy GCNQSDĐ cấp cho ông C1 và bà C3 do đã trùng lên diện tích đất của gia đình các ông bà được giao.

- Đại diện hợp pháp của UBND xã Y trình bày: Việc UBND xã Y bán đất cho gia đình ông A, ông Vũ Văn C1, ông Nguyễn Trọng C2, ông Trần Trọng C3 và bà C4 vào tháng 3/2003 là sai quy định theo kết luận kiểm tra ngày 30/10/2006 của Tổ công tác huyện ủy. Một số cán bộ xã Y đã bán và giao đất trái thẩm quyền đã bị kỷ luật. Căn cứ vào kết luận kiểm tra này và Nghị quyết của Đảng ủy xã Y về việc chấp thuận việc đổi đất giữa UBND xã Y với gia đình ông C1, tại cuộc họp xét duyệt cấp GCNQSDĐ ngày 25/3/2013, UBND xã Y đã đề nghị UBND huyện Z cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông C1 và bà C3 diện tích 898m² đất.

Đối với 05 hộ gồm ông A, ông C1, ông C6, ông C7 và bà C4: Xã đã thu mỗi người với số tiền 23.040.000 đồng vào tháng 3/2003 và đã chi tiêu vào việc kiến thiết xây dựng xã. Sau này, 05 ông bà nói trên yêu cầu thì xã Y sẽ có trách nhiệm tìm nguồn thu và báo cáo cấp có thẩm quyền trả lại.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 52/2017/HC-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định: *Áp dụng các Điều 30, 32, 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 98, 99, 100, 105 Luật Đất đai; Điều 28, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án;*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần A về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 về việc cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ số CH 00215 ngày 10/02/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông Vũ C1 và bà Tạ Thị C3 diện tích 898m² đất trong đó có 300m² đất ở 5.598m² đất trồng cây lâu năm.

2. Ông Trần A được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2014/0003279 ngày 23/01/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án sơ thẩm có thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017, ông Trần A có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm. Đơn trình bày ý kiến ngày 10/3/2018 (cùng với đơn của bà C4, ông C7 và ông Cát), cho rằng Bản án sơ thẩm nhận định và xét xử không khách quan. Đất ông bà “mua” của UBND xã đã được UBND huyện chấp thuận ở vị trí đất ông C1 đã thanh lý hợp đồng đấu thầu với UBND xã, UBND xã đã giao đất cho 5 gia đình, các gia

đình đã thuê ông C1 san lấp, đã xây tường bao, đã làm thủ tục nộp các giấy tờ để được cấp GCNQSD thì UBND huyện lại không cấp GCN cho 5 hộ mà lại cấp cho ông C1 vào phần đất 5 gia đình, việc cấp không công khai, minh bạch, sai quy trình, vi phạm quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 37 ngày 10/2/2015 và hủy GCNQSD Đ cấp cho ông C1, bà C3.

Ngày 09/7/2018, ông Vũ C1 xuất trình “Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 351 ngày 12/4/2018 của UBND huyện Z “Về việc giải quyết khiếu nại của 05 công dân mua đất tại xã Y”, các biên bản UBND làm việc với ông Vũ C1 ngày 30/01/2018, biên bản làm việc ngày 28/2/2018 và ngày 07/3/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần A giữ nguyên nội dung kháng cáo, trình bày: Hồ sơ do UBND xã Y lập về việc cấp GCNQSDĐ cho ông C1 có nhiều giấy tờ giả mạo, báo cáo nguồn gốc đất không đúng sự thật. Ông không được biết về kết luận số 06 năm 2006 của Huyện ủy, mà sau khi được UBND xã giao đất vào ngày 03/3/2003, đến năm 2011 ông đã nộp các giấy tờ để làm hồ sơ xin cấp GCNQSD thì UBND huyện lại cấp cho ông C1, bà C3 vào đất đã giao cho ông. UBND xã giao đất vào ngày 3/3/2003 có lập biên bản, chính ông C1 thừa nhận giao lại đất cho ông và ông C1 nhận tiền san lấp cát. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông, hủy GCNQSD và Quyết định cấp giấy cho ông Vũ C1 do cấp vào phần đất đã giao cho ông.

Đại diện UBND xã Y trình bày: Xác nhận ông A là 1/5 người có tên trong Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 27/11/2002 của UBND huyện Z. Năm 2006 khi Huyện ủy làm việc thì 5 người này đều không cung cấp được biên bản giao đất nên Huyện ủy mới có kết luận việc giao đất cho 5 người là trái pháp luật và giao UBND xã đưa số tiền mà các hộ dân đã nộp vào mục nợ phải trả của UBND xã; số tiền này UBND xã chưa trả lại cho các hộ dân.

Ông Vũ C1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là trợ giúp viên pháp lý Phạm Văn Điều trình bày: UBND xã Y đã giao cho ông C1 đất đầm ở X để đổi lấy đất ở trong xóm; sau đó do việc giao đất cho 5 hộ dân ở khu vực nêu trong Quyết định số 15/QĐ-UBND của UBND huyện không thực hiện được nên ông C1 mới giao lại một phần đất đầm đã phun cát cho 5 người (trong đó có ông A) và nhận tiền đã san lấp cát. Lý do ông thực hiện là do ông A và ông Hiếu cán bộ địa chính xã yêu cầu. Ông C1 xác nhận ông không sử dụng phần đất đã nhận tiền san lấp cát của 5 người cho đến nay, nhưng cho rằng 5 người trong đó có ông A không được giao đất vào ngày 3/3/2003. Tại Quyết định 351/QĐ-UBND ngày 12/4/2018, Chủ tịch UBND huyện Z đã xác định việc bán đất cho 5 người là trái pháp luật và họ đều đã nhận việc này, UBND sẽ giải quyết quyền lợi và chính ông A cũng đã đồng ý nhận 200.000.000 đồng tiền san lấp cát (của 5 hộ). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (và đại diện theo ủy quyền) bà C4;

ông Vũ Văn C1, ông Bùi Trọng C7, ông Nguyễn Đức C6 trình bày: đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý phúc thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ông A đã được UBND xã Y có biên bản giao đất tại vị trí đất hiện nay cấp GCNQSDĐ cho ông C1. Theo tài liệu năm 2013 thì UBND xã đã giao đất cho ông C1 trên cơ sở Hợp đồng đổi đất, nhưng không thể hiện vị trí đất giao mà chỉ ghi diện tích quy đổi. Việc giao đất cho ông A, tại Quyết định số 351 ngày 12/4/2018 của UBND huyện Z, đã thể hiện là UBND huyện đã đồng ý với UBND xã. Do đó, hồ sơ cấp GCNQSD cho ông C1 là không bảo đảm đúng quy định. Ông A khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông A, căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông A, hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 về việc cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ số CH 00215 ngày 10/02/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông Vũ C1 và bà Tạ Thị C3.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10/02/2015, UBND huyện Z đã cấp GCNQSDĐ ký hiệu BX 987513 vào sổ cấp số CH 00215 15 cho ông Vũ C1 và bà Tạ Thị C3 tổng diện tích 898m². Ngày 21/3/2016, UBND xã Y có văn bản trả lời ông A về việc xin cấp GCNQSD thì ông A mới biết về việc cấp giấy đã bao gồm cả diện tích 100m² ông được UBND xã Y giao đất và đã nộp tiền đất cho UBND xã. Cho rằng việc cấp GCN này xâm phạm quyền lợi của ông, ngày 26/12/2016, ông A có đơn khởi kiện vụ án hành chính đề nghị hủy GCNQSDĐ, sau đó bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 37/QĐ- UBND ngày 10/02/2015 của UBND huyện Z về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ C1 và bà Tạ Thị C3. Trong đơn khởi kiện, ông A cam kết không khiếu kiện đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã thụ lý giải quyết, xác định UBND huyện Z là người bị kiện, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định cấp GCNQSDĐ cho ông C1:

[2.1] Theo quy định tại Điều 53 Luật đất đai 2014 (Điều 32 Luật đất đai 2003) *việc giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất*. Điều 64 Luật này có quy định: “1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất

đai bao gồm: ...c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền; (...)

2. Việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai phải căn cứ vào văn bản, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai”.

Và theo quy định tại khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai, UBND huyện Z là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên:

- Quyết định số 15/QĐ-UB ngày 27/11/2002, UBND huyện Z cho phép UBND xã Y chuyển mục đích sử dụng đất và giao cho 5 hộ dân làm nhà ở (trong đó có ông A), nhưng Quyết định này không thực hiện được do các hộ dân ở khu vực này không đồng ý giao đất. Theo nội dung Quyết định số 351/UB-UBND ngày 12/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z (mục 3 Phần II, tài liệu do đương sự mới cung cấp) thì *UBND xã đã có báo cáo và xin chủ trương UBND huyện về việc không giao được đất tại vị trí theo Quyết định số 15/QĐ-UBND và xin chuyển đổi sang vị trí đất đầm ông C1 đang nuôi thả cá, nhưng UBND xã không thực hiện các bước tiếp theo để có văn bản của huyện...* Lời khai của ông C1 trong quá trình giải quyết sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, thừa nhận việc ông thực hiện ý kiến của UBND xã đã giao lại phần đất đầm san lấp cát và nhận tiền san lấp cát cho 5 hộ dân, trong đó có ông A. Trong biên bản UBND xã Y giao đất cho ông A cũng ghi căn cứ Quyết định số 15 nêu trên và có biên bản giao đất ngày 03/3/2003 và giao đất tại vị trí hiện nay cho ông A. Như vậy, việc giao đất này xuất phát từ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 27/11/2002 của UBND huyện Z. Trong khi đó, ông C1 chưa được UBND huyện chấp nhận về vị trí, diện tích đất quy đổi theo đề xuất của UBND xã (điều này đã được nêu tại Kết luận số 60 của huyện ủy, sau này đến ngày 21/5/2013 Đảng bộ xã Y mới có Nghị quyết về việc quy đổi đất nhưng cũng không ghi vị trí đất đổi).

Trên thực tế, ông A đã trả tiền san lấp đất (từ ao sang đất bằng) cho ông C1 và nộp tiền cho UBND xã (UBND đã chi vào việc xây dựng kiến thiết). Sau đó, năm 2011, ông A và ông C1 đều nộp giấy tờ để đăng ký xin cấp GCNQSD đất với các thửa đất khác nhau. Việc cấp GCNQSDĐ cho người sử dụng đất trong trường hợp đất có nguồn gốc cấp trái thẩm quyền được thực hiện theo quy định của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật đất đai. Tại văn bản số 106 ngày 20/3/2017, UBND huyện Z xác định danh sách 65 hộ dân do UBND xã lập ngày 25/3/2013 (Bút lục số 58) đều có nguồn gốc do UBND xã cấp trái thẩm quyền. Theo danh sách đề nghị cấp đất do UBND xã cung cấp (BL120) và UBND huyện cung cấp (Bút lục số 79) đều thể hiện thửa đất của ông C1 diện tích 937,5m²; ông A diện tích 100m², là các thửa đất khác nhau, không trùng vị trí. Thực tế, trước đây đất đầm rộng, sau khi được UBND xã lập biên bản giao đất ngày 18/12/2002, ông C1 đã lùi 25m ngang để UBND xã có đất giao cho ông A (và 4 người khác). Đối chiếu vị

trí đất tại biên bản giao đất ngày 03/3/2003 cho ông A (và 4 người khác) với sơ đồ đất cấp GCN cho ông C1 và với sơ đồ do Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định tại chỗ, cho thấy một phần đất cấp GCNQSD cho ông C1 trùng với vị trí đất đã giao cho ông A ngày 03/3/2003 (và 4 hộ dân khác). Như vậy, trong 898m² đất được cấp GCNQSD thì thực tế ông C1 không quản lý sử dụng toàn bộ mà có cả phần đất UBND xã Y đã giao cho người khác, trên đất có tài sản công sức của người khác.

- Mặt khác, theo hồ sơ cấp GCNQSD cho ông C1, tại “Đơn đăng ký” đề ngày 11/01/2015 (Bút lục số 60), lại thể hiện *đất ông C1 sử dụng ổn định không có tranh chấp từ 2002, kê khai đúng hiện trạng sử dụng*. Như vậy, hồ sơ cấp GCN phản ánh không đúng thực tế. Bản án sơ thẩm xác định hồ sơ cấp GCNQSD cho ông A đúng theo quy định của Luật đất đai, là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định UBND huyện Z đã không thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai (về trình tự thủ tục thực hiện việc thu hồi đất đã giao trái pháp luật và giải quyết về quyền lợi của ông A trước khi cấp GCN cho ông C1; hồ sơ cấp GCN không đúng thực tế) đã xâm phạm quyền lợi của ông A nên ông A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cấp GCNQSD đất và GCNQSDĐ, là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND huyện Z “Về việc giải quyết khiếu nại của 5 công dân mua đất tại xã Y” do UBND huyện Z ban hành trong khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đang thụ lý giải quyết phúc thẩm kháng cáo của ông A đối với Bản án sơ thẩm số 52/2017/HC-ST về yêu cầu hủy GCNQSD đất cấp cho ông C1, bà C3. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A xác định ông không đồng ý với việc UBND huyện Z giải quyết theo Quyết định số 351/QĐ-UBND nên không nhận tiền san lấp cát do ông A trả; vẫn giữ yêu cầu khởi kiện việc UBND huyện Z cấp GCNQSD đất cho ông C1, bà C3.

Với các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trần A, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần A, như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 53, Điều 64; khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013;

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần A. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2017/HC-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần A. Hủy Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/2/2015 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hủy

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX 987513 vào sổ số CH 00215 ngày 10/02/2015 do UBND huyện Z cấp cho ông Vũ C1 và bà Tạ Thị C3. UBND huyện Z thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí sơ thẩm: UBND huyện Z phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả ông Trần A 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2014/0003279 ngày 23/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 13/8/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương